

Số: 11 /2009/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 12 tháng 3 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động
khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 63/2008/NĐ-CP ngày 13/5/2008 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí;

Thông tư số 67/2008/TT-BTC ngày 21/7/2008 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 63/2008/NĐ-CP ngày 13/5/2008 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị quyết số 124/2008/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thu các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 126/TTr-TNMT ngày 12 tháng 02 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quyết định này quy định về việc thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai khi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cho phép khai thác, tận thu các loại khoáng sản sau: Đá các loại, sỏi, cát các loại, đất các loại, than bùn, nước khoáng thiên nhiên, các loại quặng, khoáng sản kim loại.

Điều 2. Đơn vị tổ chức thu phí

1. Cục thuế Đồng Nai thu phí đối với các tổ chức được UBND tỉnh hoặc cơ quan Nhà nước ở Trung ương cấp phép trong hoạt động khai thác, tận thu các loại khoáng sản;

2. Chi cục thuế các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa thu phí đối với các tổ chức, cá nhân được UBND cấp huyện cấp phép trong hoạt động khai thác, tận thu các loại khoáng sản.

Điều 3. Mức thu và mức trích

1. Mức thu

a) Đồng tiền thu phí: Đồng Việt Nam.

b) Cách tính phí

Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản phải nộp trong kỳ nộp phí được tính như sau:

$$\text{Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản phải nộp trong kỳ (đồng)} = \frac{\text{Số lượng từng loại khoáng sản khai thác (tấn hoặc m}^3\text{)}}{\text{Mức thu tương ứng (đồng/tấn hoặc m}^3\text{)}} \times$$

c) Mức thu: Cụ thể theo bảng sau:

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
1	Đá:		
a	Đá ốp lát làm mỹ nghệ (Granit, Gabro, đá hoa...)	m ³	50.000
b	Quặng đá quý (kim cương, rubi, saphia, emôrôt, alexandrit, opan quý màu đen, adit, rôđôlit, pyrôt, berin, spinen, tôpaz, thạch anh tinh thể, crizôlit, pan quý, birusa, nephrit...)	tấn	50.000
c	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m ³	1.000
d	Các loại đá khác (đá làm xi măng, khoáng chất công nghiệp...)	m ³	2.000
2	Fenspat	m ³	20.000
3	Sỏi, cuội, sạn	m ³	4.000
4	Cát:		
a	Cát vàng (cát xây dựng)	m ³	3.000
b	Cát thủy tinh	m ³	5.000
c	Các loại cát khác (cát san lấp...)	m ³	1.000
5	Đất:		
a	Đất sét, làm gạch, ngói	m ³	800
b	Đất làm thạch cao	m ³	2.000

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
c	Đất làm cao lanh	m ³	5.000
d	Các loại đất khác (đất san lấp, bùn trấp...)	m ³	500
6	Than:		
a	Than đá	tấn	6.000
b	Than bùn	tấn	2.000
c	Các loại than khác	tấn	4.000
7	Nước khoáng thiên nhiên	m ³	2.000
8	Sa khoáng titan (ilmenit)	tấn	50.000
9	Quặng apatít	tấn	3.000
10	Quặng khoáng sản kim loại:		
a	Quặng mangan	tấn	30.000
b	Quặng sắt	tấn	40.000
c	Quặng chì	tấn	180.000
d	Quặng kẽm	tấn	180.000
đ	Quặng đồng	tấn	35.000
e	Quặng bô xít	tấn	30.000
g	Quặng thiếc	tấn	180.000
h	Quặng cromit	tấn	40.000
i	Quặng khoáng sản kim loại khác	tấn	10.000

2. Mức trích

Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản không thực hiện chế độ trích để lại cho đơn vị tổ chức thu. Theo dự toán hàng năm, tổ chức thu phí phải nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách Nhà nước.

Điều 4. Chế độ thu nộp, quản lý, sử dụng và quyết toán phí

1. Chứng từ thu phí

Chứng từ thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là biên lai thu phí do cơ quan thuế phát hành hoặc giấy nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước địa phương.

2. Thu nộp, quản lý và sử dụng phí

a) Thu nộp phí

- Đối tượng nộp phí

+ Đăng ký nộp phí với cơ quan Thuế trực tiếp quản lý theo quy định trong thời gian chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày được phép khai thác khoáng sản. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải kê khai đầy đủ, đúng mẫu tờ khai và chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kê khai.

+ Chấp hành đầy đủ chế độ chứng từ, hóa đơn, sổ kế toán theo quy định của Nhà nước áp dụng đối với từng loại đối tượng.

+ Kê khai số tiền phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản phải nộp hàng tháng với cơ quan Thuế theo quy định và tự nộp tiền phí vào ngân sách Nhà nước tại Kho bạc nơi khai thác khoáng sản theo đúng số liệu đã kê khai với cơ quan Thuế chậm nhất là ngày thứ 20 của tháng tiếp theo; trường hợp trong tháng không phát sinh phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vẫn phải kê khai và nộp tờ khai nộp phí với cơ quan Thuế.

+ Trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản; chuyển đổi sở hữu; giao, bán, khoán, cho thuê doanh nghiệp Nhà nước hoặc có sự thay đổi trong hoạt động khai thác, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải kê khai số tiền phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản phải nộp với cơ quan Thuế và tự nộp tiền phí vào ngân sách Nhà nước tại Kho bạc nơi khai thác khoáng sản chậm nhất là ngày thứ 45 kể từ ngày sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản; giao, bán, khoán, cho thuê doanh nghiệp Nhà nước hoặc thay đổi hoạt động khai thác.

+ Trường hợp cơ sở khai thác, tận thu nhỏ, phân tán, số phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản phải nộp nhỏ và ở nơi xa Kho bạc Nhà nước thì cơ quan thuế được trực tiếp thu, sau đó định kỳ nộp vào Kho bạc Nhà nước theo quy định tại Thông tư số 80/2003/TT-BTC ngày 13/8/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn tập trung, quản lý các khoản thu ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước; nếu loại khoáng sản khai thác được tập trung vào đầu mối thu mua và được cơ sở thu mua cam kết chấp thuận thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp có thể quyết định (bằng văn bản) để tổ chức, cá nhân thu mua khoáng sản nộp thay phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản cho đối tượng nộp phí. Cơ sở thu mua khoáng sản có nghĩa vụ kê khai theo mẫu 02/BVMT ban hành kèm theo Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, tự tính, tự nộp và quyết toán việc nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định 63/2008/NĐ-CP.

+ Cung cấp tài liệu, sổ kế toán, chứng từ, hóa đơn và hồ sơ tài liệu khác có liên quan đến việc tính và nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, thanh tra hoặc khi cơ quan thuế phát hiện đối tượng nộp phí có dấu hiệu vi phạm theo quy định.

- Đơn vị tổ chức thu phí

+ Hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, cá nhân khai thác, tận thu khoáng sản thực hiện kê khai, nộp phí theo quy định.

+ Kiểm tra, thanh tra việc kê khai, nộp phí, quyết toán tiền phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản. Trường hợp đối tượng nộp phí chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ chế độ chứng từ, hóa đơn, sổ kế toán thì cơ quan Thuế phối hợp với cơ quan chức năng ở địa phương, căn cứ vào tình hình khai thác khoáng sản của từng đối tượng nộp phí để ấn định số lượng khoáng sản khai thác và xác định số phí phải nộp theo quy định.

b) Quản lý, sử dụng phí

Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100% để hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản, theo các nội dung cụ thể sau đây:

- Phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đối với môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản;

- Khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra;

- Giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tái tạo cảnh quan môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.

3. Lập dự toán và quyết toán

- Đối với tổ chức thu phí: Hàng năm, cơ quan thuế theo phân cấp tổ chức thu phí xây dựng dự toán thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản để tổng hợp vào dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, trình HĐND cùng cấp theo đúng quy định của Luật Ngân sách hiện hành;

- Đối với đối tượng nộp phí: Chậm nhất là ngày thứ 90, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính, đối tượng nộp phí phải quyết toán việc nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản với cơ quan thuế.

Điều 5. Công khai chế độ thu phí

Đơn vị tổ chức thu phí phải niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu phí ở vị trí thuận tiện để các đối tượng nộp lệ phí dễ nhận biết theo quy định tại phần Đ, Mục IV Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính gồm: Niêm yết tên phí, mức thu, chứng từ thu; thông báo công khai văn bản quy định thu phí.

Điều 6. Giao Cục trưởng Cục thuế Đồng Nai triển khai thực hiện Quyết định này đến các đối tượng liên quan. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có sự thay đổi về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, Cục trưởng Cục thuế Đồng Nai có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh xem xét.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 8. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Cục trưởng Cục thuế Đồng Nai, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, TH, KT, NC.

@DienKT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đình Quốc Thái